

Số: **1259**/QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày **28** tháng **8** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch tổng kết, đánh giá kết quả
thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm ngày 17 tháng 3 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Chương trình công tác năm 2023 của Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm (tại Công văn số 2891/VPCP-KGVX ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng kết, đánh giá kết quả thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm.

Điều 2. Giao Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan triển khai kế hoạch; chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và tổng hợp tình hình, báo cáo Bộ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo)
- Các bộ, ngành, đoàn thể là thành viên Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm;
- Thành viên Tổ công tác LNPCMD;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, Cục PCTNXH.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Hồi

**KẾ HOẠCH****Tổng kết, đánh giá kết quả thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1259 QĐ-LĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) Đánh giá những kết quả đạt được trong thi hành pháp luật về phòng, chống mại dâm, tập trung trọng tâm là Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định 178/2004/NĐ-CP ngày 15/10/2004 của Chính phủ, Thông tư số 05/2006/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2006 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; phát hiện những khó khăn, vướng mắc, nhận diện những bất cập, mâu thuẫn, sự chồng chéo từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định chi tiết Pháp lệnh cũng như các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan trong công tác phòng, chống mại dâm ở Trung ương và địa phương. Đề xuất giải pháp khả thi nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về phòng, chống mại dâm trong thời gian tới.

b) Biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong 20 năm thi hành Pháp lệnh phòng, chống mại dâm 2003 và các văn bản hướng dẫn cả Trung ương và địa phương giai đoạn 2003-2023.

2. Yêu cầu

a) Việc tổ chức tổng kết được tiến hành nghiêm túc, thực chất toàn diện, từ Trung ương đến cơ sở, bám sát thực tiễn thực hiện Pháp lệnh phòng, chống mại dâm, văn bản hướng dẫn giai đoạn 2003-2023.

b) Đảm bảo yêu cầu, tiến độ đề ra, tổ chức hình thức tổng kết thiết thực, tiết kiệm, phù hợp thực tế từng địa phương.

c) Bám sát đề cương tổng kết với từng địa phương, bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ quy định trong công tác phòng, chống mại dâm và công tác của Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm, có số liệu cụ thể, phân tích rõ tồn tại, hạn chế vướng mắc của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003, các văn bản hướng dẫn, thi hành của cả Trung ương và địa phương. Đề xuất giải pháp cụ thể, khả thi, phù hợp tình hình và định hướng phòng, chống mại dâm trong Quyết định 1629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2021-2025 và những năm tới.

d) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện phát huy vai trò chủ trì, cơ quan thường trực quản lý Nhà nước về phòng, chống mại dâm tại địa phương; có sự phối hợp tham gia

chủ động chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác phòng, chống mại dâm tại địa phương trong quá trình tổng kết theo hướng dẫn tại quyết định này.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔNG KẾT

1. Phạm vi, nội dung tổng kết

a) Phạm vi tổng kết

- Việc tổng kết thi hành pháp luật về phòng, chống mại dâm tập trung vào Pháp lệnh phòng, chống mại dâm 2003, các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương và địa phương về phòng, chống mại dâm.

- Việc tổng kết được thực hiện phạm vi toàn quốc, tại các cơ quan, tổ chức ở Trung ương là thành viên Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm có liên quan và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Mốc thời gian thông tin, số liệu tổng kết: tính từ năm 2003 đến tháng 06/2023.

b) Nội dung tổng kết: Theo đề cương báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về phòng, chống mại dâm và các biểu mẫu thống kê, phụ lục kèm theo kế hoạch này.

2. Hình thức tổng kết

a) Căn cứ tình hình thực tế, điều kiện cụ thể, các bộ, ngành, cơ quan đoàn thể Trung ương trong Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm và các địa phương chủ động quyết định hình thức tổng kết thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm 2003-2023 (báo cáo, hội thảo, hội nghị, khen thưởng....)

b) Căn cứ tình hình thực tế, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ tổ chức tổng kết thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm năm 2003-2023 bằng hình thức phù hợp (báo cáo, hội thảo, hội nghị, khen thưởng....).

III. CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI TỔNG KẾT

1. Tổ chức khảo sát, đánh giá kết quả thực hiện Pháp lệnh phòng, chống mại dâm 2003, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương.

- Chủ trì thực hiện:

+ Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì kiểm tra tại một số địa phương đại diện các vùng, miền trên cả nước.

+ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì kiểm tra trên địa bàn địa phương (nếu cần thiết).

- Thời gian thực hiện: Quý III+IV/2023

- Sản phẩm: báo cáo kết quả kiểm tra

2. Xây dựng báo cáo tổng kết

a) Xây dựng báo cáo tổng kết thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và của các địa phương

- Chủ trì thực hiện: các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương là thành viên Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm; Sở Lao động – Thương

binh và Xã hội tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng báo cáo tổng kết thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm theo đề cương báo cáo tại phụ lục kèm theo kế hoạch này.

- Thời gian hoàn thành: đề nghị gửi báo cáo tổng kết về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (qua Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội) và email: phongchinhsach05@gmail.com **trước ngày 15/10/2023.**

- Sản phẩm: Báo cáo tổng kết, tài liệu hội nghị/ hội thảo (nếu có); tài liệu, phóng sự, tư liệu hình ảnh về công tác phòng, chống mại dâm giai đoạn 2003-2023 (nếu thu thập được).

b) Xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm giai đoạn 2003-2023 toàn quốc

- Chủ trì thực hiện: Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội – Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

- Phối hợp thực hiện: các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương trong Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: ngày 10/11/2023

- Sản phẩm: Báo cáo tổng kết.

3. Tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý dự thảo báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện

- Tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: tổ chức 02 hội nghị lấy ý kiến góp ý tham gia của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và địa phương đối với Báo cáo tổng kết toàn quốc thực hiện pháp luật phòng, chống mại dâm giai đoạn 2003-2023.

- Tại các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và địa phương: tùy điều kiện cụ thể tổ chức hội nghị góp ý Báo cáo tổng kết của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và địa phương.

4. Tổ chức Hội nghị toàn quốc

Tổ chức Hội nghị tổng kết, đánh giá kết quả thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm trong năm 2024.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

- Đối với các Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương: đề nghị bám sát vào các nhiệm vụ được giao theo chức năng, tiến hành xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá, tổng kết (Phụ lục 1, 1A); tổ chức hội nghị tổng kết trong nội bộ cơ quan thảo luận, góp ý cho dự thảo báo cáo tổng kết; hoàn thiện báo cáo.

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội dự thảo báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm (Phụ lục 2, 2A) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: giao cho Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội có trách nhiệm thường trực, đôn đốc, triển khai thực hiện kế hoạch này.

2. Kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách chi thường xuyên của đơn vị, địa phương./.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT
PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM
(Đối với bộ, ngành, đoàn thể Trung ương)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đánh giá thực trạng tình hình mại dâm hiện nay và thực trạng công tác quản lý nhà nước về phòng, chống mại dâm theo chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, ngành, đoàn thể trung ương.

2. Kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước trong công tác phòng, chống mại dâm *(mốc thời gian số liệu thống kê từ năm 2003 đến ngày 30/6/2023, kèm theo biểu tổng hợp số liệu phụ lục 1A)*:

- Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện (ban hành văn bản quy phạm pháp luật; văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003,...)

- Công tác truyền thông, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về phòng, chống mại dâm.

- Phối hợp thực hiện can thiệp giảm tác hại, phòng ngừa lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm.

- Công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm; điều tra, truy tố các tội phạm liên quan đến mại dâm.

- Hợp tác quốc tế về phòng, chống mại dâm.

3. Bố trí nguồn lực thực hiện

- Số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ được giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm.

- Kinh phí: nêu rõ mức kinh phí ngân sách Nhà nước thường xuyên hằng năm bố trí cho công tác phòng, chống mại dâm. Đánh giá mức độ bố trí kinh phí theo hàng năm (tăng hoặc giảm).

- Huy động nguồn vốn viện trợ và nguồn hợp pháp khác cho công tác phòng, chống mại dâm.

II. ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá những bất cập, hạn chế trong quy định của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 và các văn bản pháp luật khác về phòng, chống mại dâm (đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước được phân công tại Pháp lệnh phòng, chống mại dâm 2003).

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân từ thực tiễn (chủ quan, khách quan)
- Nguyên nhân từ các quy định của Pháp lệnh và các văn bản có liên quan.

3. Những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn công tác phòng, chống mại dâm chưa được pháp luật quy định và cần được pháp luật điều chỉnh.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đề xuất, kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành, cơ quan thường trực phòng, chống mại dâm

a) Về hoàn thiện các quy định của pháp luật

Kiến nghị các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (ghi rõ tên văn bản, điều, khoản...)

b) Về tổ chức thi hành Pháp lệnh

Các đề xuất, kiến nghị nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng, chống mại dâm.

2. Giải pháp

Các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống mại dâm.

Nơi nhận

- Bộ LĐTBXH

LÃNH ĐẠO BỘ, NGÀNH, ĐOÀN THỂ

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 1A

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU
TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG
MẠI DÂM ĐỐI VỚI CÁC BỘ, NGÀNH, TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG

(Tên cơ quan, đơn vị:)

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2003 đến tháng 6/2023		Tổng cộng
		Giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2013	Giai đoạn từ năm 2014 đến 30/6/2023	
1. Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân lực thực hiện công tác phòng, chống mại dâm				
Số cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ thực hiện công tác phòng, chống mại dâm chuyên trách	Người			
Số cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ thực hiện công tác phòng, chống mại dâm kiêm nhiệm	Người			
Số cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ thực hiện công tác phòng, chống mại dâm được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về công tác phòng, chống mại dâm	Người			
2. Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống mại dâm				
- Kinh phí Nhà nước từ nguồn chi sự nghiệp đảm bảo xã hội phục vụ công tác phòng, chống mại dâm	Triệu đồng			
- Kinh phí do các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và các nguồn tài trợ hợp pháp khác cho công tác phòng, chống mại dâm	Triệu đồng			
1. Bộ Công an				
- Số tụ điểm, địa bàn phức tạp về tệ nạn mại dâm.	Tụ điểm			
- Số cuộc truy quét tại địa điểm công cộng.	Cuộc			
- Số cuộc triệt phá tại các cơ sở KDDV.	Cuộc			
- Số người bán dâm được thống kê qua hồ sơ xử phạt hành chính.	Người			
- Số vụ liên quan đến tệ nạn mại dâm có quyết định khởi tố.	Vụ			
- Số tội phạm liên quan đến mại dâm có quyết định khởi tố.	Người			

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2003 đến tháng 6/2023		Tổng cộng
		Giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2013	Giai đoạn từ năm 2014 đến 30/6/2023	
+ Chủ chứa, môi giới	Người			
+ Mua dâm người chưa thành niên	Người			
2. Bộ Quốc phòng				
- Số người bán dâm ước tính tại các khu vực biên giới; các khu vực kinh tế cửa khẩu, cảng biển	Người			
- Số tụ điểm hoạt động mại dâm ở các khu vực biên giới; các khu vực kinh tế cửa khẩu, cảng biển	Tụ điểm			
- Số cuộc triệt phá về mua bán người vì mục đích mại dâm	Cuộc			
- Số chủ chứa, môi giới hoạt động mại dâm	Người			
- Số nạn nhân bị mua bán liên quan đến mại dâm	Người			
3. Bộ Y tế				
- Số nhân viên của các cơ sở kinh doanh dịch vụ được khám bệnh định kỳ	Người			
- Số cơ sở kinh doanh dịch vụ thực hiện khám bệnh định kỳ đối với nhân viên của các cơ sở kinh doanh dịch vụ	Cơ sở			
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch				
- Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm (khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, quán bar, vũ trường, karaoke...)	Cơ sở			
- Số lượng cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm được kiểm tra	Cơ sở			
- Số lượng cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm.	Cơ sở			
- Số lao động làm việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm	Người			
5. Bộ Thông tin và Truyền thông				
- Số tin bài, phóng sự, chuyên trang,... về phòng, chống tệ nạn mại dâm	Tin bài, phóng sự, chuyên trang			

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2003 đến tháng 6/2023		Tổng cộng
		Giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2013	Giai đoạn từ năm 2014 đến 30/6/2023	
- Số lượt tin bài, phóng sự, chuyên trang...về phòng, chống mại dâm được đăng tải trên cơ quan báo chí Trung ương	Lượt			
6. Bộ Giáo dục và đào tạo				
- Số học sinh, sinh viên tại các trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục đại học.	Người			
- Số cuộc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống mại dâm tại các trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục đại học.	Cuộc			
- Số học sinh, sinh viên tại các trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục đại học được tuyên truyền về phòng, chống mại dâm	Người			
7. Bộ Tài chính				
- Ngân sách địa phương	Triệu đồng			
- Ngân sách Trung ương	Triệu đồng			
- Từ nguồn khác	Triệu đồng			
8. Viện kiểm sát nhân dân tối cao				
- Số vụ truy tố liên quan đến mại dâm	Vụ			
+ Số bị can bị truy tố	Người			
+ Số chủ chứa, môi giới	Người			
+ Số mua dâm người chưa thành niên	Người			
- Số vụ thực hiện quyền công tố và kiểm sát xét xử	Vụ			
+ Số bị cáo	Người			
+ Số chủ chứa, môi giới	Người			
+ Số mua dâm người chưa thành niên	Người			
9. Tòa án nhân dân tối cao				
- Số vụ án liên quan đến mại dâm	Vụ			
+ Số bị cáo	Người			
- Số vụ án đưa ra xét xử	Vụ			
+ Số bị cáo	Người			
+ Số bị cáo bị phạt tù từ trên 15 năm	Người			
+ Số bị cáo bị phạt tù từ 7 – 15 năm	Người			

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2003 đến tháng 6/2023		Tổng cộng
		Giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2013	Giai đoạn từ năm 2014 đến 30/6/2023	
+ Số bị cáo bị phạt tù dưới 7 năm	Người			
+ Số bị cáo hưởng án treo	Người			
+ Số bị cáo là chủ chứa, môi giới	Người			
+ Số bị cáo phạm tội mua dâm người chưa thành viên	Người			
+ Số bị cáo là công chức, viên chức Nhà nước	Người			
10. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam				
- Số lao động làm việc trong các khu công nghiệp	Người			
- Số người lao động trong các khu công nghiệp được tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, cung cấp kiến thức về phòng, chống tệ nạn mại dâm	Người			
11. TW Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam				
Số người bán dâm được hỗ trợ	Người			
+ Số người bán dâm được hỗ trợ dạy nghề	Người			
+ Số người bán dâm được tạo việc làm	Người			
+ Số người bán dâm được hỗ trợ vay vốn	Người			
+ Số tiền hỗ trợ vay vốn cho người bán dâm	Triệu đồng			
12. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam				
- Số tin bài, phóng sự, chuyên trang, phim, kịch, chương trình... về phòng, chống tệ nạn mại dâm	Tin bài, phóng sự, chuyên trang, phim, kịch, chương trình			
- Số lượt tin bài, phóng sự, chuyên trang, phim, kịch, chương trình... về phòng, chống mại dâm được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng Trung ương	Lượt			

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THI HÀNH PHÁP LỆNH
PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM
(Đối với các tỉnh, thành phố)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LỆNH PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM NĂM 2003

1. Thực trạng tình hình tệ nạn mại dâm

- Đánh giá đúng thực trạng tình hình tệ nạn mại dâm hiện nay tại địa phương (số lượng người bán dâm, tội phạm liên quan đến mại dâm, các vi phạm hành chính liên quan đến mại dâm, phương thức, thủ đoạn hoạt động mại dâm, mức độ ảnh hưởng của tệ nạn mại dâm đối với tình hình an ninh, trật tự xã hội ở địa phương...);

- Việc đánh giá phải có số liệu minh chứng cụ thể để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của báo cáo

2. Đánh giá thực tiễn 20 năm thực hiện Pháp lệnh phòng, chống mại dâm

Việc đánh giá cần tập trung vào các vấn đề cơ bản đã đạt được trong quá trình thực thi Pháp lệnh phòng, chống tệ nạn mại dâm. Cụ thể:

a) Đường lối, chủ trương của Đảng về công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm đã được thể chế hóa ?

b) Những kết quả cơ bản đã đạt được trong việc tổ chức thi hành Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 trong thời gian từ năm 2003 đến ngày 30/6/2023:

- Về xây dựng, ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 (các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành liên quan đến công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm của địa phương).

- Về chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm. Đặc biệt chú trọng đánh giá công tác phối hợp liên ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tệ nạn mại dâm của các Bộ, ngành liên quan và địa phương trên phạm vi cả nước.

- Về bố trí ngân sách và huy động nguồn lực xã hội khác cho công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm ở các cấp, các ngành.

- Về công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết hàng năm, giai đoạn về công tác phòng, chống mại dâm.

c) Những hạn chế, khó khăn trong thực tiễn triển khai Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 tại địa phương. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn nêu trên khi áp dụng những quy định của Pháp lệnh trong công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm (do còn thiếu các quy định của Pháp lệnh hay quy định

của Pháp lệnh chưa rõ, chưa đầy đủ; các quy định còn chồng chéo, không thống nhất; do điều kiện để thực thi Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 còn hạn chế như điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực, thẩm quyền...).

II. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH MỚI VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Bối cảnh tình hình mới và những yêu cầu đặt ra

- Bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế có những thay đổi tác động đến công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm.

- Những yêu cầu mới trong công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm đặt ra từ thực tiễn quản lý nhà nước ở địa phương.

2. Đề xuất, kiến nghị về hoàn thiện các quy định của pháp luật

- Về quan điểm, cách thức ứng xử của Nhà nước đối với tệ nạn mại dâm trong tình hình hiện nay;

- Về các nội dung chính cần sửa đổi, bổ sung trong Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 (các quy định còn phù hợp; các quy định cần phải sửa đổi, bổ sung....).

- Xác định những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn công tác phòng, chống mại dâm ở địa phương cần được điều chỉnh trong Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003.

- Về tổ chức thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm (các đề xuất, kiến nghị nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành; các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống mại dâm./.

Nơi nhận

- Bộ LĐTBXH;

-

CHỦ TỊCH UBND

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2A

BIỂU TỔNG HỢP
SỐ LIỆU TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THI HÀNH
PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM

(UBND tỉnh (TP):)

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2003 đến tháng 6/2023		Tổng cộng
		Giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2013	Giai đoạn từ năm 2014 đến 30/6/2023	
1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện				
Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo				
- Nghị định	Văn bản			
- Quyết định	Văn bản			
- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ	Văn bản			
- Thông tư, Thông tư liên tịch	Văn bản			
- Quyết định hướng dẫn của các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương	Văn bản			
2. Công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống mại dâm				
- Số cuộc truyền thông, tuyên truyền về công tác phòng chống mại dâm tại cộng đồng	Cuộc			
- Số người tham gia các cuộc truyền thông, tuyên truyền về công tác phòng chống mại dâm tại cộng đồng	Lượt người			
- Số panô, áp phích, tờ rơi thực hiện truyền thông, tuyên truyền về công tác phòng chống mại dâm tại cộng đồng	Panô, áp phích, tờ rơi			
- Số lượt thông tin về phòng, chống mại dâm được đăng tải trên cơ quan báo chí cấp Trung ương	Lượt			
- Số lượng người có nguy cơ cao tham gia tệ nạn mại dâm được tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, cung cấp thông tin, kiến thức về phòng, chống mại dâm. Trong đó:				

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2003 đến tháng 6/2023		Tổng cộng
		Giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2013	Giai đoạn từ năm 2014 đến 30/6/2023	
+ Số người lao động tại cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm	Người			
+ Số người lao động trong các khu công nghiệp	Người			
+ Số học sinh, sinh viên các trường THPT, cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Người			
2. Hoạt động phòng ngừa mại dâm thông qua lồng ghép các chương trình có liên quan tại địa bàn cơ sở				
Các chương trình đã lồng ghép với hoạt động phòng chống mại dâm, cụ thể:				
+ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội	Có hoặc không			
+ Chương trình an sinh xã hội	Có hoặc không			
+ Chương trình phòng, chống ma túy	Có hoặc không			
+ Chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Có hoặc không			
+ Chương trình về dạy nghề, tìm việc làm, hỗ trợ vay vốn, giảm nghèo	Có hoặc không			
+ Các chương trình khác (ghi rõ:.....)	Có hoặc không			
3. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của Đội kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm (gọi tắt là Đội kiểm tra liên ngành 178)				
- Tổng số Đội kiểm tra liên ngành PCMD tại địa phương	Đội			
Trong đó:				
+ Đội cấp tỉnh	Đội			
+ Đội cấp quận/huyện	Đội			
- Số lượng thành viên tham gia Đội KTLN PCMD	Người			
Trong đó:				
+ Số thành viên thuộc Đội cấp tỉnh	Người			
+ Số thành viên thuộc Đội cấp quận/huyện	Người			

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2003 đến tháng 6/2023		Tổng cộng
		Giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2013	Giai đoạn từ năm 2014 đến 30/6/2023	
- Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm tra trong kỳ	Cơ sở			
- Số cơ sở chịu các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm	Cơ sở			
<i>Trong đó:</i>				
+ Số cơ sở bị rút giấy phép kinh doanh	Cơ sở			
+ Số cơ sở bị đình chỉ kinh doanh	Cơ sở			
+ Số cơ sở bị cảnh cáo	Cơ sở			
+ Số cơ sở bị phạt tiền	Cơ sở			
* Số tiền phạt	Triệu đồng			
+ Số cơ sở bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung	Cơ sở			
4. Đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến mại dâm				
- Số cuộc truy quét tại địa điểm công cộng	Cuộc			
- Số cuộc triệt phá tại các cơ sở KDDV	Cuộc			
- Tổng số người vi phạm	Người			
<i>Trong đó:</i>				
+ Số người mua dâm	Người			
+ Số người bán dâm	Người			
+ Số người bán dâm dưới 18 tuổi	Người			
+ Số chủ chứa, môi giới	Người			
- Số tội phạm liên quan đến mại dâm được xử lý theo quy định của pháp luật				
- Số người bị xử lý vi phạm hành chính	Người			
<i>Trong đó:</i>				
+ Số người bán dâm	Người			
+ Số người mua dâm	Người			
+ Số người bán dâm dưới 18 tuổi	Người			
+ Số chủ chứa, môi giới	Người			
- Số người bị xử lý hình sự	Người			
+ Số người mua dâm người chưa thành niên	Người			

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2003 đến tháng 6/2023		Tổng cộng
		Giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2013	Giai đoạn từ năm 2014 đến 30/6/2023	
5. Hoạt động can thiệp giảm tác hại, phòng ngừa lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong PCMD và hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm		Không thống kê giai đoạn năm 2003-2013		
- Tổng số người bán dâm có nhu cầu tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ xã hội, hòa nhập cộng đồng	Người			
- Số người bán dâm có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ	Người			
Trong đó:				
+ Số đối tượng được tư vấn, trợ giúp pháp lý	Lượt người			
+ Số đối tượng được vay vốn	Lượt người			
* Số tiền mà người bán dâm được vay	Triệu đồng			
+ Số đối tượng được học nghề, tạo việc làm	Lượt người			
+ Số đối tượng được hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe	Lượt người			
+ Số đối tượng được cung cấp các dịch vụ về phòng, chống lây nhiễm HIV	Lượt người			
- Số người bán dâm được tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ đồng đẳng, các nhóm tự lực,...	Người			
- Tổng số mô hình được xây dựng, duy trì	Mô hình			
(1). MH cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng, TTCTXH	Số lượng			
(2). MH hỗ trợ nhằm bảo đảm quyền của người lao động trong các cơ sở KDDV để phát sinh TNMD	Số lượng			
(3). MH hỗ trợ tăng cường năng lực của các nhóm đồng đẳng/nhóm tự lực/câu lạc bộ của người bán dâm trong việc tiếp cận, truyền thông và hỗ trợ giảm hại, phòng, chống bạo lực giới	Số lượng			
(4). MH khác (ghi rõ:)	Số lượng			

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2003 đến tháng 6/2023		Tổng cộng
		Giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2013	Giai đoạn từ năm 2014 đến 30/6/2023	
- Số quận/huyện xây dựng, triển khai mô hình PCMD	Quận/huyện			
6. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm				
Số cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm ở địa phương	Người			
+ Cấp tỉnh				
+ Cấp huyện				
III. Kinh phí				
Tổng kinh phí	Triệu đồng			
<i>Trong đó:</i>				
+ Từ ngân sách của địa phương	Triệu đồng			
+ Từ ngân sách Trung ương	Triệu đồng			
+ Từ nguồn khác	Triệu đồng			
- Nhu cầu đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Chương trình	Triệu đồng			

**Danh sách gửi Quyết định ban hành Kế hoạch tổng kết, đánh giá kết quả
thi hành pháp luật phòng, chống mại dâm**

Stt	Cơ quan, đơn vị	Ghi chú
	CÁC BỘ, NGÀNH, ĐOÀN THỂ LÀ THÀNH VIÊN ỦY BAN QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG AIDS VÀ PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN MA TÚY, MẠI DÂM	
1	Bộ Công an	
2	Bộ Quốc phòng	
3	Bộ Thông tin và Truyền thông	
4	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
5	Bộ Y tế	
6	Bộ Tư pháp	
7	Bộ Tài chính	
8	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
9	Bộ Công thương	
10	Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao	
11	Tòa án Nhân dân tối cao	
12	Đài truyền hình Việt Nam	
13	Đài Tiếng nói Việt Nam	
14	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
15	Thông tấn xã Việt Nam	
16	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	
17	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	
18	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	
19	Hội Nông dân Việt Nam	
20	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	
	CƠ QUAN LÀ THÀNH VIÊN TỔ CÔNG TÁC LIÊN NGÀNH PCMD	
21	Cục Cảnh sát Hình sự, Bộ Công an	
22	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.	
23	Vụ Tổng hợp, Tòa án Nhân dân Tối cao	
24	Cục phòng, chống ma túy và tội phạm, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng	
25	Cục Tuyên huấn, Bộ Quốc phòng	
26	Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp, Bộ Tài chính	*Lưu ý: gửi trực tiếp văn bản (không có trực liên thông)

Stt	Cơ quan, đơn vị	Ghi chú
27	Vụ Pháp luật hình sự hành chính, Bộ Tư pháp	*Lưu ý: gửi trực tiếp văn bản (không có trực liên thông)
28	Vụ 2, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao	*Lưu ý: gửi trực tiếp văn bản (không có trực liên thông)
29	Thanh tra Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
30	Cục Văn hóa cơ sở, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
31	Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông	
32	Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh sinh viên, Bộ Giáo dục Đào tạo	*Lưu ý: gửi trực tiếp văn bản (không có trực liên thông)
33	Cục Hóa chất, Bộ Công thương	
34	Ban Phong trào, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam	*Lưu ý: gửi trực tiếp văn bản (không có trực liên thông)
35	Ban Tuyên giáo, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	*Lưu ý: gửi trực tiếp văn bản (không có trực liên thông)
36	Trung tâm thanh thiếu niên trung ương, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	*Lưu ý: gửi trực tiếp văn bản (không có trực liên thông)
37	Ban Tuyên giáo, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam	*Lưu ý: gửi trực tiếp văn bản (không có trực liên thông)
38	Ban Xã hội - Dân số, Gia đình, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	*Lưu ý: gửi trực tiếp văn bản (không có trực liên thông)
39	Ban Tuyên giáo, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	*Lưu ý: gửi trực tiếp văn bản (không có trực liên thông)
	CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG	
40	UBND của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
41	Sở LĐTBXH 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	

- Gửi trực liên thông: 155 đơn vị
- Gửi trực tiếp văn bản (không qua liên thông) = 10 đơn vị
- Lưu 02 bản (Cục PCTNXH)
- ⇒ Photo và đóng dấu: 12 bản